

Bản án số: 273/2021/HS-ST
Ngày 03-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Song Hoàn
2. Ông Hà Văn Trường

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Trần Hồng Gấm - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 263/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

Nguyễn Quốc L (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1995 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: Số 65/15 đường N, phường T, thành phố V; Chỗ ở trước khi bị bắt: Không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Nguyễn Văn K, sinh năm: 1963 và mẹ Nguyễn Thị Phúc A, sinh năm: 1964; Bị cáo là con thứ 02 trong gia đình có 02 chị em.

Tiền án: Có 02 tiền án, cụ thể:

- Ngày 21-02-2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tuyên phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Không tố giác tội phạm”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21-01-2020.

- Ngày 11-5-2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 64/2020/HSST. Chấp hành xong hình phạt ngày 23-4-2021.

Tiền sự: Không có.

Bị bắt ngày 10-7-2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

Nguyễn Văn N (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1999 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: Số 72 đường T, phường T, thành phố V; Chỗ ở trước khi bị bắt: Không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Cha Nguyễn Văn T, sinh năm: 1972 và mẹ Nguyễn Thị H, sinh năm: 1975; Bị cáo là con thứ 03 trong gia đình có 03 anh em.

Tiền án: Ngày 25-02-2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 10/2020/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31-01-2021.

Tiền sự: Không có.

Bị bắt ngày 10-7-2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

* *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1982. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Địa chỉ: Số 1/57/4/4 đường T, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Phan Quang T, sinh năm: 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 218 đường N, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bà Nguyễn Thị Phúc A, sinh năm: 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 203/11 đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 27-6-2021, L điều khiển xe nhãn hiệu Suzuki Raider màu đỏ đen biển kiểm soát 72C2-412.71 trên đường Nguyễn An Ninh thì gặp N đang đi bộ trên đường, L rủ N đi chơi và N đồng ý. N điều khiển xe máy chở L ngồi phía sau đi vào đường Trần Bình Trọng, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu thì L phát hiện chị Nguyễn Thị N mặc áo khoác, đeo khẩu trang, che mặt bằng mũ vải đang nằm nghỉ trên ghế bố, đồng thời trên mâm trái cây đặt tại vỉa hè cách vị trí chị N ngồi khoảng 01 mét có để một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M51 màu đen đang mở nghe nhạc. Lúc này L nghĩ chị N đang ngủ nên L nói với N dừng xe lại, vì đường vắng đang đi mà L nói dừng xe lại thì N hiểu ý L muốn trộm cắp tài sản nên dừng xe cách vị trí của chị N nằm nghỉ khoảng 30m, ngồi trên xe nổ máy chờ sẵn. L xuống xe đi bộ đến tiếp cận từ phía sau chị N để quan sát, tìm cách chiếm đoạt chiếc điện thoại. L lén lút dùng tay lấy điện thoại trong mâm trái cây và nhanh chóng đi về phía N đang đợi sẵn. Lúc này, chị N cảm nhận âm thanh của điện thoại có sự thay đổi nên tỉnh dậy phát hiện điện thoại để trong mâm trái cây bị chiếm đoạt nên tri hô và đuổi theo nhưng L đã nhanh chóng lên xe máy cùng N chạy thoát ra đường Bình Giã. Sau khi chiếm đoạt được tài sản L tháo bỏ ốp lưng điện thoại, ném ốp lưng cùng giấy chứng minh N dân và hai thẻ ATM của chị N để trong ốp lưng vào lề đường (không rõ địa điểm), cả hai cùng nhau đến tiệm cầm đồ Trường Phát để tiêu thụ điện thoại. Chủ tiệm cầm đồ là anh Phan Quang T sau khi xem điện thoại di động nêu trên xong thấy hoạt động bình thường không có mặt khóa, không biết điện thoại do L trộm cắp mà có nên đã đồng ý cầm với số tiền là 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm ngàn đồng). Sau

khi có tiền từ việc cầm điện thoại L chia cho N số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng), còn L giữ lại số tiền là 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm ngàn đồng). L, N đều đã tiêu xài cả N và mua ma túy để sử dụng hết.

Quá trình điều tra, L và N đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt điện thoại di động của chị N như nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 99/KL-HĐĐG-TTHS ngày 05-7-2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự thành phố Vũng Tàu kết luận 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy M51 có giá trị là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

* Việc thu giữ và xử lý tài liệu, đồ vật, tài sản, vật chứng:

- 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy M51 màu đen Imel: 35354456219560. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vũng Tàu đã ra quyết định trả lại điện thoại di động nêu trên cho chị N.

- 01 xe mô tô hiệu Raider màu đỏ đen biển kiểm soát số 72C2-412.71 số máy: CGA1555019, số khung: RLSDL11ANMV155023. Qua xác minh thì bà Nguyễn Thị Phúc An đứng tên đăng ký và là chủ sở hữu xe mô tô nêu trên.

- 01 đĩa DVD chứa dữ liệu của 02 đoạn Video trích xuất từ hệ thống camera an ninh của Công an phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 27-6-2021. Hiện lưu trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng, tài sản còn lại hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Vũng Tàu quản lý

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị N đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Anh Phan Quang T yêu cầu trả lại số tiền 3.800.000đ mà L đến cầm cố điện thoại di động Samsung Galaxy M51 cho anh T.

Bản cáo trạng số 263/CT-VKS ngày 22-9-2021 của Viện kiểm sát N dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét giải quyết. Đối với anh T do không biết L trộm cắp điện thoại mà có nên không có căn cứ để xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo L tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 3.800.000đ cho anh T, nhưng bị cáo không có khả năng trả số tiền trên cho anh T nên tại phiên Tòa mẹ của bị cáo L là bà Nguyễn Thị

Phúc A tự nguyện đồng ý bồi thường số tiền 3.800.000đ cho anh T thay cho bị cáo L, bà A không yêu cầu bị cáo L, N hoàn trả.

- Xử lý tài sản, đồ vật, vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho bị hại nên đề nghị không xem xét giải quyết; Đề nghị trả lại xe mô tô nhãn hiệu Raider màu đỏ đen biển kiểm soát số 72C2-412.71 số máy: CGA1555019, số khung: RLSDL11ANMV155023 cho bà Nguyễn Thị Phúc A. Đối với đĩa DVD chứa dữ liệu 02 đoạn video là tài liệu, chứng cứ ghi lại hành vi phạm tội của các bị cáo nên đề nghị lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện là hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại chị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có tự khai, lời khai và xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T theo quy định tại điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo được xác định như sau:

Căn cứ lời khai nhận hành vi của các bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 27-6-2021, Nguyễn Quốc L cùng Nguyễn Văn N đi qua chợ Trần Bình Trọng, khi đi đến số 1/47 đường Trần Bình Trọng, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, cả hai dừng xe cách 30m N ngồi trên xe nô máy chờ sẵn, còn L đi đến chỗ chị N đang nằm nghỉ trên ghế, lợi dụng sơ hở L lén lút lấy trộm điện thoại di động Samsung Galaxy M51 và nhanh chóng tẩu thoát ra xe nơi N đang chờ sẵn. L ra gần chỗ N thì lúc này chị N tỉnh dậy phát hiện bị trộm điện thoại nên tri hô đuổi bắt nhưng L và N đã chạy thoát. Theo bản kết luận định giá tài sản số 99/KL-HĐĐG-TTHS ngày 05-7-2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thành phố Vũng Tàu kết luận 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy M51 có giá trị là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Xét, hành vi nêu trên của L và N đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tuy nhiên, xét N thân: Bị cáo L đã có hai tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Không tố giác tội phạm” chấp hành án xong ngày 23-4-2021 chưa được xóa án tích nhưng nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” nên

thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, hành vi của bị cáo L phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo N phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, nhưng quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vũng Tàu khởi tố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là không có căn cứ tuy nhiên quá trình truy tố Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu truy tố bị cáo N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố bị cáo L phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo N phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo L, N gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bức xúc cho N dân trong cộng đồng dân cư. Do đó, cần tuyên một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời bảo đảm phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo L và bị cáo N cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng các bị cáo không có sự bàn bạc, tổ chức, phân công nhiệm vụ, vai trò chặt chẽ trước mà khi đi trên đường lợi dụng sơ hở của bị hại nên bộc phát cùng nhau tham gia vào thực hiện tội phạm và đều có vai trò là người thực hành. Do đó, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo N có một tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” bị tuyên phạt một năm ba tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31-01-2021 chưa được xóa án tích nay tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội như nhận định nêu trên nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Khi lượng hình cần xem xét mức hình phạt phù hợp.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa cả hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được áp dụng tình tiết giảm theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng, tài sản:

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vũng Tàu đã trả 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy M51 cho bị hại chị N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Raider màu đỏ đen biển kiểm soát số 72C2-412.71 số máy: CGA1555019, số khung: RLSDL11ANMV155023 là phương tiện L và N sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, qua xác minh xe mô tô

nêu trên là của bà Nguyễn Thị Phúc A đứng tên chủ sở hữu. Bà A là mẹ của L, bà A cho L mượn sử dụng để đi lại, việc L sử dụng xe đi trộm cắp tài sản thì bà A không hề biết. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo L khai nhận xe mô tô trên là của bà A cho L mượn để đi lại, bà A không biết việc L sử dụng xe đi trộm cắp. Xét thấy lời khai của bà A và L đồng nhất, mặc dù xe là phương tiện L, N thực hiện hành vi phạm tội nhưng bà A là chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe nêu trên và không biết việc L sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên yêu cầu được nhận lại xe của bà A là chính đáng và được chấp nhận.

Đối với đĩa DVD chứa dữ liệu 02 đoạn video là tài liệu, chứng cứ ghi lại hành vi phạm tội của các bị cáo nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về yêu cầu bồi thường của anh T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 3.800.000đ cho anh T. Xét, L, N sau khi trộm cắp điện thoại mang đến tiệm cầm đồ của anh T cầm được số tiền 3.800.000đ và cả hai đã chia nhau số tiền nêu trên để tiêu xài cá nhân, mua ma túy sử dụng. Do đó, các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 3.800.000đ cho anh T. Tại phiên tòa bị cáo L tự nguyện đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền 3.800.000đ cho anh T, nhưng bị cáo không có khả năng trả số tiền trên cho anh T nên tại phiên Tòa mẹ của bị cáo L là bà Nguyễn Thị Phúc A tự nguyện đồng ý bồi thường số tiền 3.800.000đ cho anh T thay cho bị cáo L, bà A không yêu cầu bị cáo L, N hoàn trả. Xét thấy tại phiên tòa bà A hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà A bồi thường số tiền 3.800.000đ cho anh T thay bị cáo L.

[7] Các vấn đề khác: Đối với anh T do không biết điện thoại di động Samsung Galaxy M51 do L trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[8] Về án phí: Các bị cáo L, N mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Các bị cáo **Nguyễn Quốc L và Nguyễn Văn N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L 02 (**hai**) năm 06 (**sáu**) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10-7-2021.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 12 (**mười hai**) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10-7-2021.

3. Về xử lý vật chứng:

Bị hại là chị Nguyễn Thị N đã nhận lại 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy M51.

Trả lại một xe mô tô nhãn hiệu Raider màu đỏ đen biển kiểm soát số 72C2-412.71 số máy: CGA1555019, số khung: RLSDL11ANMV155023 cho bà Nguyễn Thị Phúc A.

Vật chứng, tài sản đang do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 268/BB.THA ngày 28-9-2021.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện đồng ý của bà Nguyễn Thị Phúc A về việc bồi thường toàn bộ số tiền 3.800.000đ (ba triệu tám trăm ngàn đồng) cho anh Phan Quang T.

5. Về án phí: Bị cáo L, N mỗi người phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Phụng